SAO Y; HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH; 29/04/2026; 16:55:56; +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2026/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức chi trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức chi trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức chi trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh; quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Định mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật mới của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Định mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a) Định mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

b) Định mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật: Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

c) Định mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật: Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

2. Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Mức chi cho công tác thẩm tra theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình không áp dụng đối với hoạt động thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội,Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Lê Quốc Chỉnh

PHỤ LỤC I

Định mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra	Thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, hoàn thiện để thông qua, phát hành
1	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	**250**	140	21	14	55	20
2	Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	**100**	80	12	8		
3	Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**30**	24	3,6	2,4		

PHỤ LỤC II

Định mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra	Thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, hoàn thiện để thông qua, phát hành
1	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	**150**	84	12,6	8,4	33	12
2	Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	**60**	48	7,2	4,8		
3	Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**18**	14,4	2,16	1,44		

PHỤ LỤC III

Định mức chi áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Loại văn bản	Tổng	Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo	Thực hiện nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Thực hiện nhiệm vụ thẩm tra	Thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, hoàn thiện để thông qua, phát hành
1	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	**75**	42	6,3	4,2	16,5	6
2	Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh	**30**	24	3,6	2,4		
3	Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**9**	7,2	1,08	0,72		